TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2019/DS-ST
Ngày: 21-8-2019
V/v "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI,
TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tài Định

Bà Lê Thị Thu Toàn.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đình Nam-Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, ngày 19, ngày 20 và ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2019/TLST-DS ngày 14/01/2019 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2019/QĐXXST-DS ngày 21/6/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT.

Địa chỉ: L 8, 266-268 NKKN, phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D-Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Bà Nguyễn Đức Thạch D ủy quyền cho ông Nguyễn Quang T-Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Quảng Ngãi (theo Giấy ủy quyền số: 3966/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018 của Tổng Giám đốc về việc ký hợp đồng/văn bản và thẩm quyền tham gia tố tụng).

Ông Nguyễn Quang T ủy quyền lại cho ông Phạm Hữu T-Chức vụ: Phó phòng giao dịch (theo văn bản ủy quyền số 42/2019/GUQ-QNI ngày 08/4/2019). Ông T có mặt.

Địa chỉ: Số 449 QT, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Bà A Thị K, sinh năm 1981, ông Đinh Văn D, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Thôn PA, xã NA, thành Phố QN, tỉnh Quảng Ngãi. Bà K có mặt, ông D vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đinh Văn X, sinh năm 1951, bà Trần Thị H, sinh năm 1957.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đinh Văn X và bà Trần Thị H: Ông Đinh Văn C, sinh năm 1989 (theo văn bản ủy quyền ngày 12/6/2019). Ông C có mặt.

- Ông Đinh Văn Cường E, sinh năm 1992 và bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1995, vắng mặt.

- Ông Đinh Văn C, sinh năm 1989, bà Trần Thị Yến L, sinh năm 1989. Ông C có mặt, bà L vắng mặt.

- Cháu Đinh Phương T, sinh năm 2016; cháu Đinh Gia H, sinh ngày 16/6/2019. Người đại diện cho cháu T, cháu H: Ông Đinh Văn C và bà Trần Thị Yến L là cha mẹ của cháu T, cháu H. Ông C có mặt.

- Cháu Đinh Ngọc T, sinh năm 2016. Người đại diện cho cháu T: Ông Đinh Văn Cường E và bà Nguyễn Thị Ngọc N là cha mẹ của cháu T; vắng mặt.

- Cháu Đinh Quốc T, sinh ngày 28/8/2001; cháu Đinh Quốc N, sinh năm 2004; cháu Đinh Phương T, sinh năm 2008; cháu Đinh Hữu K, sinh 2008. Người đại diện cho các cháu T, N, T, K: Bà A Thị K và ông Đinh Văn D là cha mẹ của các cháu. Bà K có mặt.

Đều cùng địa chỉ: Thôn PA, xã NA, thành Phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/12/2018, bản tự khai ngày 14/3/2019, biên bản hòa giải ngày 07/5/2019, ngày 28/5/2019 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT là ông Phạm Hữu T trình bày:

Bà A Thị K, ông Đinh Văn D ký 03 hợp đồng tín dụng và 01 hợp đồng cấp thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Quảng Ngãi gồm:

1. Hợp đồng tín dụng số LD 1713500180 ngày 16/5/2017 vay số tiền 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng);

2. Hợp đồng tín dụng số 01/LD 1713500180 ngày 16/5/2017 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD 1713500180-01 ngày 04/5/2018 với số tiền vay 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

3. Hợp đồng tín dụng số LD 18118001100 ngày 04/5/2018 vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng);

4. Hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 06/11/2017 hạn mức 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, bà A Thị K, ông Đinh Văn D, ông Đinh Văn X, bà Trần Thị H đã thế chấp tài sản:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 231, tờ bản đồ số 02. Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 212968, vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CH01874 do UBND huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 20/12/2011 cho ông Đinh Văn X và bà Trần Thị H, tại địa chỉ: Thôn PA, xã NA, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi. Hành vi thế chấp đã được Văn Phòng Công Chứng Phi Thanh chứng nhận ngày 16/5/2017, số công chứng 1448, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD, đồng thời tài sản này đã được Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 16/5/2017 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi-Chi nhánh

thành phố Quảng Ngãi. Đồng thời ông X, bà H lập giấy cam kết thế chấp toàn bộ công trình xây dựng trên đất cũng thuộc tài sản thế chấp.

Tài sản 2: Tàu cá số đăng ký: QNg-92965-TS, kiểu máy: Yuchai; số máy: T8101F90031; công suất: 540V; năm chế tạo: Trung Quốc do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn Thủy Sản Quảng Ngãi cấp ngày 25/3/2015. Hành vi thế chấp đã được Văn Phòng Công Chứng Phi Thanh chứng nhận ngày 16/5/2017, số công chứng 1447, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD, đồng thời tài sản này đã được Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 16/5/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng. Đồng thời ông D, bà K lập giấy cam kết thế chấp toàn bộ thân tàu, máy chính và tất cả các máy móc, thiết bị liên quan đi kèm với tài sản thế chấp.

Tài sản 3: Tàu cá số đăng ký: QNg-92966-TS, kiểu máy: Yuchai; số máy: T8101F90030; công suất: 540V; năm chế tạo: Trung Quốc do Chi cục Khai thác và bảo vệ nguồn lợi Thủy Sản Quảng Ngãi cấp ngày 25/3/2015. Hành vi thế chấp đã được Văn Phòng Công Chứng Phi Thanh chứng nhận ngày 16/5/2017, số công chứng 1449, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD, đồng thời tài sản này đã được Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 16/5/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng. Đồng thời ông D, bà X lập giấy cam kết thế chấp toàn bộ thân tàu, máy chính và tất cả các máy móc, thiết bị liên quan đi kèm với tài sản thế chấp.

Hai tàu cá (QNg-92965-TS, QNg-92966-TS), giá trị đảm bảo cho các Hợp đồng tín dụng là 4,5 tỷ đồng; quyền sử dụng thửa đất số 231, tờ bản đồ số 02 và 02 ngôi nhà, tài sản khác gắn liền với thửa đất nêu trên với giá trị đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng cao nhất là 2,5 tỷ đồng (kể cả gốc và lãi).

Ông D, bà K đã vi phạm cam kết với Ngân hàng về thời hạn trả nợ nêu trong hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng đã ký; Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông D, bà K bàn hướng xử lý nợ, tuy nhiên ông D, bà K vẫn không trả nợ, chưa có phương án rõ ràng để trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP SGTT yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết buộc bà A Thị K và ông Đinh Văn D phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền (gốc và lãi) 4.189.829.250 đồng (bốn tỷ, một trăm tám mươi chín triệu, tám trăm hai mươi chín ngàn, hai trăm năm mươi đồng) tính đến ngày 15/8/2019, trong đó: Nợ gốc 3.800.422.632 đồng; lãi trong hạn 203.101.534 đồng; lãi quá hạn 186.305.084 đồng và tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp thẻ tín dụng từ ngày 16/8/2019 cho đến khi bà A Thị K và ông Đinh Văn D trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP SG TT.

Trường hợp bà A Thị K, ông Đinh Văn D không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP SGTT có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là các tài sản thế chấp nêu trên để thanh toán nợ Ngân hàng TMCP SG TT.

Sau khi xử lý tài sản nếu không đủ để trả nợ, Ngân hàng yêu cầu bà A Thị K và ông Đinh Văn D tiếp tục trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/5/2019, ngày 28/5/2019, trong quá trình tố tụng tại Tòa án; bị đơn bà A Thị K và ông Đinh Văn D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Đinh Quốc T, cháu Đinh Quốc N, cháu Đinh Phương

T, cháu Đinh Hữu K. Người đại diện cho các cháu T, N, T, K: Bà A Thị K và ông Đinh Văn D trình bày: Bà A Thị K và ông Đinh Văn D thừa nhận có nợ và đồng ý trả tổng số tiền của 03 Hợp đồng tín dụng và 01 Hợp đồng thẻ tín dụng cho Ngân hàng TMCP SGTT; đồng ý xử lý tài sản thế chấp là 02 chiếc tàu và ngôi nhà phía Bắc thửa đất và tài sản thế chấp là nhà, đất của cha mẹ trong trường hợp không trả nợ cho Ngân hàng. Bà K được cấp thẻ tín dụng với mục đích tiêu dùng và sử dụng để trả phí tổn chạy hai tàu cá.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Tại biên bản hòa giải ngày 28/5/2019, trong quá trình tố tụng tại Tòa án ông Đinh Văn X, bà Trần Thị H. Người đại diện theo ủy quyền của ông Đinh Văn X, bà Trần Thị H: Ông Đinh Văn C trình bày: Thống nhất, trong trường hợp bà A Thị K và ông Đinh Văn D không trả nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT thì các ông, bà đồng ý giao tài sản thế chấp để xử lý khoản nợ vay.

- Tại biên bản hòa giải ngày 28/5/2019 ông Đinh Văn Cường E, bà Nguyễn Thị Ngọc N; cháu Đinh Ngọc T. Người đại diện cho cháu T: Ông Đinh Văn Cường E, bà Nguyễn Thị Ngọc N. Người đại diện theo ủy quyền của ông Đinh Văn Cường E: Ông Đinh Văn C trình bày: Thống nhất, trong trường hợp bà A Thị K và ông Đinh Văn D không trả nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT thì ông, bà đồng ý giao tài sản thế chấp để xử lý khoản nợ vay.

- Tại biên bản hòa giải ngày 28/5/2019, trong quá trình tố tụng tại Tòa án ông Đinh Văn C, bà Trần Thị Yến L; cháu Đinh Phương T, cháu Đinh Gia H. Người đại diện cho cháu T, cháu H: Ông Đinh Văn C, bà Trần Thị Yến L trình bày: Thống nhất, trong trường hợp bà A Thị K và ông Đinh Văn D không trả nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT thì ông, bà đồng ý giao tài sản thế chấp để xử lý khoản nợ vay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự.

1- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã xác định chủ thể quan hệ pháp luật và tiến hành thụ lý vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Nguyên đơn: Chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Người đại diện theo ủy quyền của ông X, bà H: Ông Đinh Văn C; đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP SGTT thực hiện đúng quy định tại Điều 85, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 299, 317, 318, 320 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT: Buộc bà A Thị K và ông Đinh Văn D phải trả cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền (gốc và lãi) 4.189.829.250 đồng tính đến ngày 15/8/2019, trong đó: Nợ gốc 3.800.422.632 đồng; lãi trong hạn 203.101.534 đồng; lãi quá hạn 186.305.084 đồng và tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp thẻ tín dụng cho đến khi bà A Thị K và ông Đinh Văn D trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT.

Trường hợp bà A Thị K, ông Đinh Văn D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP SGTT có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ (Hợp đồng thế chấp số LD1713500180 ngày 16/5/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp ngày 04/5/2018; Hợp đồng thế chấp tàu cá ngày 16/5/2017 và Giấy cam kết thế chấp tàu cá ngày 04/5/2018), đó là: 02 tàu cá số QNg-92965-TS và số QNg-92966-TS; Quyền sử dụng đất thửa đất số 231, 02 ngôi nhà và tài sản trên thửa đất số 231, tờ bản đồ số 02 (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 212968, vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CH01874 do UBND huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 20/12/2011 cho ông Đinh Văn X và bà Trần Thị H tại: Thôn PA, xã NA, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi) với nghĩa vụ được đảm bảo tối đa cho các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp thẻ tín dụng là 2,5 tỷ đồng.

Nếu xử lý tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì bà A Thị K và ông Đinh Văn D phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cho Ngân hàng TMCP SGTT.

Về phần án phí dân sự: Bà A Thị K và ông Đinh Văn D phải chịu trên tổng số tiền phải trả cho Ngân hàng TMCP SGTT theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP SGTT tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà A Thị K và ông Đinh Văn D phải chịu là 1.500.000 đồng, Ngân hàng TMCP SGTT đã nộp nên bà K và ông D phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP SGTT theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đinh Văn D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Văn Cường E, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Trần Thị Yến

L, cháu Đinh Ngọc T, người đại diện cho cháu T: Ông Đinh Văn Cường E và bà Nguyễn Thị Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP SGTT cung cấp có tại hồ sơ thì bà A Thị K và ông Đinh Văn D có vay của Ngân hàng TMCP SG TT theo Hợp đồng tín dụng số LD 1713500180 ngày 16/5/2017 vay số tiền 2.500.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 01/LD 1713500180 ngày 16/5/2017 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD 1713500180-01 ngày 04/5/2018 với số tiền vay 1.500.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số LD 18118001100 ngày 04/5/2018 vay số tiền 300.000.000 đồng; Hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 06/11/2017 hạn mức 150.000.000 đồng và được ông Đinh Văn X và bà Trần Thị H bảo lãnh.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà A Thị K và ông Đinh Văn D, ông Đinh Văn X và bà Trần Thị H đã thế chấp 02 tàu cá (số QNg-92965-TS và số QNg-92966-TS), gía trị đảm bảo cho các Hợp đồng tín dụng là 4,5 tỷ đồng; Quyền sử dụng thửa đất số 231, tờ bản đồ số 02, 02 ngôi nhà và tài sản trên thửa đất số 231, tờ bản đồ số 02 với giá trị được đảm bảo tối đa cho các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp thẻ tín dụng là 2,5 tỷ đồng (kể cả gốc và lãi) theo đúng quy định pháp luật.

Qúa trình thực hiện hợp đồng vay, bà A Thị K và ông Đinh Văn D đã vi phạm cam kết với Ngân hàng về thời hạn trả nợ nêu trong Hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng đã ký; Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với khách hàng bàn hướng xử lý nợ, tuy nhiên ông D, bà K vẫn không trả nợ, chưa có phương án rõ ràng để trả nợ cho Ngân hàng. Do bà A Thị K và ông Đinh Văn D vi phạm hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký kết về thời hạn thanh toán gốc và lãi, bà K trình bày bà được cấp thẻ tín dụng với mục đích tiêu dùng và sử dụng để trả phí tổn chạy 02 tàu cá. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án bà K, ông D thừa nhận có nợ và đồng ý trả tổng số tiền của 03 Hợp đồng tín dụng và 01 Hợp đồng thẻ tín dụng cho Ngân hàng TMCP SGTT; đồng ý xử lý tài sản thế chấp là 02 chiếc tàu và ngôi nhà phía Bắc thửa đất và tài sản thế chấp là nhà, đất của cha, mẹ trong trường hợp không trả được nợ cho Ngân hàng. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông X, bà H và các con ông bà là ông C, ông Cường E, bà L, bà N cũng thống nhất, trong trường hợp bà K, ông D không trả được nợ cho Ngân hàng thì các ông bà đồng ý giao tài sản thế chấp để xử lý khoản nợ vay. Vì vậy, bà A Thị K và ông Đinh Văn D phải có nghĩa vụ trả số nợ trên và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 15/8/2016 cho đến khi trả nợ xong theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp thẻ tín dụng; trường hợp bà A Thị K, ông Đinh Văn D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP SGTT có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ (Hợp đồng thế chấp số LD1713500180 ngày 16/5/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp ngày 04/5/2018; Hợp đồng thế chấp tàu cá ngày

16/5/2017 và Giấy cam kết thế chấp tàu cá ngày 04/5/2018), đó là: 02 tàu cá số QNg-92965-TS và số QNg-92966-TS; quyền sử dụng thửa đất số 231, 02 ngôi nhà và tài sản trên thửa đất số 231, tờ bản đồ số 02; tài sản thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 231, 02 ngôi nhà và tài sản trên thửa đất số 231, tờ bản đồ số 02 với nghĩa vụ được đảm bảo tối đa cho các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp thẻ tín dụng là 2,5 tỷ đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà A Thị K và ông Đinh Văn D phải chịu 112.189.829 đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền tạm ứng án phí 54.556.800 đồng.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 1.500.000 đồng, bà K, ông D phải chịu, nhưng Ngân hàng TMCP SGTT đã nộp tạm ứng và chi xong nên buộc bà K, ông D phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP SGTT 1.500.000 đồng.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Với những nhận định trên là phù hợp với ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 320 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT.

Buộc bà A Thị K và ông Đinh Văn D phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT tổng cộng số tiền (gốc và lãi) 4.189.829.250 đồng (bốn tỷ, một trăm tám mươi chín triệu, tám trăm hai mươi chín ngàn, hai trăm năm mươi đồng) tính đến ngày 15/8/2019, trong đó: Nợ gốc 3.800.422.632 đồng; lãi trong hạn 203.101.534 đồng; lãi quá hạn 186.305.084 đồng và tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp thẻ tín dụng từ ngày 16/8/2019 cho đến khi bà A Thị K và ông Đinh Văn D trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT.

Trường hợp bà A Thị K, ông Đinh Văn D không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật Ngân hàng TMCP SGTT có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp là:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất diện tích 178,7m^2 và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 231, tờ bản đồ số 02. Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 212968, vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CH01874 do UBND huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 20/12/2011 cho ông Đinh Văn X và bà Trần Thị H, tại địa chỉ: Thôn PA, xã NA, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi. Hành vi thế chấp đã được

Văn Phòng Công Chứng Phi Thanh chứng nhận ngày 16/5/2017, số công chứng 1448, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD, đồng thời tài sản này đã được Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 16/5/2017 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi-Chi nhánh thành phố Quảng Ngãi. Đồng thời ông Đinh Văn X, bà Trần Thị H lập giấy cam kết thế chấp toàn bộ công trình xây dựng trên đất cũng thuộc tài sản thế chấp. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 02 ngôi nhà (ngôi nhà nằm ở phía Nam thửa đất là nhà của ông Đinh Văn X, bà Trần Thị H, có đặc điểm nhà đỗ 01 mê, trên lợp ngói, tường xây gạch, nền gạch men, tầng 1 cửa gỗ, tầng 2 cửa nhôm kính, có mái hiên lợp tôn, xà gồ sắt, có tường rào, cổng ngõ; ngôi nhà phía Bắc thửa đất của ông Đinh Văn D, bà A Thị K, có đặc điểm nhà đỗ 02 mê, chống thấm lợp ngói, tường xây gạch, nền gạch men, có mái hiên lợp tôn, xà gồ sắt, tường rào, cổng ngõ, tài sản khác gắn liền với thửa đất nêu trên với nghĩa vụ được đảm bảo tối đa cho các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp thẻ tín dụng là 2,5 tỷ đồng (kể cả gốc và lãi). Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số LD1713500180 ngày 16/5/2017, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số LD1713500180/01 ngày 04/5/2018 và giấy cam kết thế chấp ngày 04/5/2018.

Tài sản 2: Tàu cá số đăng ký: QNg-92965-TS, kiểu máy: Yuchai; số máy: T8101F90031; công suất: 540V; năm chế tạo: Trung Quốc do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn Thủy Sản Quảng Ngãi cấp ngày 25/3/2015. Hành vi thế chấp đã được Văn Phòng Công Chứng Phi Thanh chứng nhận ngày 16/5/2017, số công chứng 1447, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD, đồng thời tài sản này đã được Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 16/5/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng. Đồng thời ông Đinh Văn D, bà A Thị K lập giấy cam kết thế chấp toàn bộ thân tàu, máy chính và tất cả các máy móc, thiết bị liên quan đi kèm với tài sản thế chấp. Theo Hợp đồng thế chấp tàu cá số 01/LD1713500180 ngày 16/5/2017, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tàu cá số 01/LD1713500180/01 ngày 04/5/2018 và Giấy cam kết thế chấp ngày 04/5/2018.

Tài sản 3: Tàu cá số đăng ký: QNg-92966-TS, kiểu máy: Yuchai; số máy: T8101F90030; công suất: 540V; năm chế tạo: Trung Quốc do Chi cục Khai thác và bảo vệ nguồn lợi Thủy Sản Quảng Ngãi cấp ngày 25/3/2015. Hành vi thế chấp đã được Văn Phòng Công Chứng Phi Thanh chứng nhận ngày 16/5/2017, số công chứng 1449, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD, đồng thời tài sản này đã được Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 16/5/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng. Đồng thời ông Đinh Văn D, bà A Thị K lập giấy cam kết thế chấp toàn bộ thân tàu, máy chính và tất cả các máy móc, thiết bị liên quan đi kèm với tài sản thế chấp. Theo Hợp đồng thế chấp tàu cá số 02/LD1713500180 ngày 16/5/2017, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tàu cá số 02/LD1713500180/01 ngày 04/5/2018 và Giấy cam kết thế chấp ngày 04/5/2018.

Trường hợp tài sản thế chấp sau khi xử lý không đủ để thu hồi nợ thì bà A Thị K, ông Đinh Văn D phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT cho đến khi thanh toán xong nợ.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà A Thị K, ông Đinh Văn D phải chịu là 112.189.829 đồng (một trăm mười hai triệu, một trăm tám mươi chín ngàn, tám trăm hai mươi chín đồng). Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 54.556.800 đồng (năm mươi tư triệu, năm trăm năm mươi sáu ngàn, tám trăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000333 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi cho Ngân hàng TMCP SGTT.

3/ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Là 1.500.000 đồng, Ngân hàng TMCP SGTT đã nộp nên bà A Thị K, ông Đinh Văn D phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP SGTT là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

4/ Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng